HOA CÚC & MÙA THU - DANH HOA & DANH DƯỢC

Lương y HUYÊN THẢO

Cúc là loài hoa được con người sử dụng làm thuốc từ hơn 2000 năm trước; và tới nay vẫn là vị thuốc rất thông dụng, do có rất nhiều tác dụng và ứng dụng quan trọng. Cúc là "danh hoa", lại là "danh dược".

Cúc là loài hoa có vẻ đẹp kín đáo, nên được người xưa mệnh danh là "Hoa trung ẩn sĩ" (ẩn sĩ trong các loài hoa); Hoa cúc sang trọng, nên còn vinh dự được là thành viên của bộ "Tứ quân tử" - Tùng, Trúc, Cúc, Mai. Là danh dược, Cúc được tôn vinh là "Dược trung thánh hiền" - một vị thuốc thánh hiền và cũng là một "Diên thọ khách" – vị khách giúp kéo dài tuổi thọ. Hoa cúc là vị thánh hiền, có lẽ xuất xứ từ quan điểm "thánh nhân trị vị bệnh" (bậc thánh nhân chữa bệnh ngay từ khi bệnh chưa hình thành). Như sách "*Nội kinh*" viết: Bậc thánh nhân không chờ tới khi có bệnh mới chữa trị, mà chữa từ khi chưa có bệnh. Bệnh đã hình thành mới dùng thuốc chữa, xã hội đã rối loạn mới lo chấn chỉnh, khác gì khi khát nước mới đào giếng, giặc tới nơi mới đúc binh khí, chẳng quá muộn sao? (*Thánh nhân bất trị dĩ bệnh, trị vị bệnh; bệnh dĩ thành nhi hậu dược chi, loạn dĩ thành nhi hậu trị chi, ví do khát nhi xuyên tỉnh, đấu nhi chú binh, bất diệc vãn hồ*). Do chủ trương "trị vị bệnh", nên Đông y cực kỳ coi trọng dưỡng sinh. Trong Đông y cổ truyền, dưỡng sinh được đặt ở vị trí tối cao, còn trị liệu chỉ được xem là biện pháp ở bình diện thấp. Tấn công trực tiếp vào "bệnh tà" chỉ được Đông y xem như biện pháp cuối cùng, trong những trường hợp bất đắc dĩ. Hoa cúc còn được vinh danh là "Diên thọ khách", do có rất nhiều công dụng đối với việc dưỡng sinh, kéo dài tuổi thọ.

Về phương diện thực vật học, Cúc là họ thực vật lớn nhất và có rất nhiều loài được dùng làm thuốc, như Cúc vạn thọ, Cúc bạc leo, Cúc mốc, Cúc liên chi, Cúc trừ sâu... Trong số đó, hiện tại có 2 loài thông dụng nhất trong Đông y, đó là "Cam cúc hoa" và "Dã cúc hoa". Tại các cửa hàng Đông Nam dược, thường gọi "Cam cúc hoa" là "Bạch cúc", "Cúc trắng", "Cúc hoa trắng" ; Còn "Dã cúc hoa" gọi là "Kim cúc", "Cúc vàng", hoặc "Cúc hoa vàng".

Thời xưa, Đông y truyền thống chủ yếu sử dụng một loài "Cúc trắng" (Cam cúc); loài này được "*Thần Nông bản thảo kinh*", bộ Dược điển đầu tiên của Đông y học, xếp hạng "thượng phẩm" và nhận định: "Cửu phục lợi huyết khí, khinh thân nại lão, diên niên" (nghĩa là: Uống lâu ngày khí huyết thông lợi, thân thể nhẹ nhàng, kiềm chế được lão suy và kéo dài tuổi thọ). Thứ cúc hoa này, chính là thành phần quan trọng trong các phương thuốc kinh điển, như "Tang cúc ẩm", "Kỷ cúc địa hoàng hoàn", "Cúc hoa tán",... Mãi tới nửa cuối thế kỷ trước, sau khi các nghiên cứu về hóa dược phát hiện thêm những tác dụng mới, đặc biệt là tác dụng diệt khuẩn và kháng viêm mạnh, Cúc vàng (Dã cúc hoa) mới bắt đầu được sử dụng rộng rãi trên lâm sàng. ☞

Cúc trắng và Cúc vàng cùng thuộc một họ thực vật (CHRYSANTHEMUM) và đều có tác dụng thanh nhiệt. Tuy nhiên, Cúc trắng có tác dụng tân tán sơ phong mạnh hơn, thường được sử dụng chữa các bệnh do "phong nhiệt", nhất là các bệnh ở "thượng tiêu" (phần trên của cơ thể) và các bệnh mắt. Còn Cúc vàng được xác định là đắng lạnh, có tác dụng giải độc tiêu thũng mạnh hơn, nên thường được dùng chữa trị viêm nhiễm, ung nhọt, lở loét ngoài da. Chính do có sự khác biệt như vậy, nên hiện tại hai loại hoa cúc trên đã được xếp vào những loại dược liệu khác nhau:

- *Cúc trắng* (Cam cúc) nằm trong nhóm "Thuốc phát tán phong nhiệt", của loại "Thuốc giải biểu" (giải trừ ngoại cảm); cùng với Cúc trắng, trong nhóm "Thuốc phát tán phong nhiệt" còn có những vị thuốc quen thuộc khác, như Bạc hà, Tang diệp (lá dâu tằm), Mạn kinh tử (trái quan âm), Cát căn (rễ sắn dây), ...

- *Cúc vàng* (Dã cúc hoa) được xếp trong nhóm "Thuốc thanh nhiệt giải độc", thuộc loại "Thuốc thanh nhiệt". Cùng với Cúc vàng, trong nhóm "Thuốc thanh nhiệt giải độc" còn có những vị thuốc quen thuộc khác, như Kim ngân hoa, Nhẫn đông đằng (Dây kim ngân), Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Thổ phục linh, Ngư tinh thảo (rau diếp cá), ...

Mặc dù Cúc trắng (Cam cúc) và Cúc vàng (Dã cúc hoa) đã được xếp vào những loại thuốc, nhóm thuốc khác nhau như vậy, nhưng trên thực tế, một số người vẫn thường hay lẫn lộn hai loại cúc này. Để phân biệt rõ hơn và có thể ứng dụng khi cần, xin trình bày tỉ mỉ hơn về đặc điểm và tính năng của từng loại cúc.

♣ Cúc trắng (cam cúc)

Là hoa của cây "Cúc hoa trắng", tên khoa học là *Chrysanthemum morifolium* Ramat. Cúc trắng còn thường được gọi là "Cúc hoa", "Cam cúc hoa", "Cam cúc", "Bạch cúc hoa", "Chân cúc", "Dược cúc", "Tiết hoa", "Kim tinh"... Cúc trắng (Cam cúc) là loài cây thảo, sống hàng năm hay nhiều năm, thân mọc thẳng đứng, gần hóa gỗ, có thể cao 0,5 -1,4 m, toàn thân có lông trắng mềm. Lá mọc so le, cuống dài khoảng 1-2,5cm, có lông trắng; phiến lá hình trứng hay hơi thuôn, hai đầu tù, dài khoảng 3,5-5cm, rộng khoảng 3-4cm, chia thành 3-5 thuỳ, mép có răng cưa và lượn sóng, mặt dưới nhiều lông màu trắng mốc. Cụm hoa hình đầu, mọc ở đầu cành hay kẽ lá, đường kính khoảng 3-5cm; Tổng bao màu lục, hoa ở vòng ngoài dạng lưỡi, một hoặc nhiều tầng, cánh hoa thường là màu trắng, nhưng cũng có thể là màu vàng, màu tím,... Hoa ở giữa lưỡng tính, dạng ống, xếp thành nhiều tầng. Loài Cúc *Chrysanthemum morifolium* Ramat rất đa dạng, cánh hoa có thể có nhiều màu khác nhau, nhưng Đông y hay dùng loại trắng nhất, nên mới có tên là "Bạch cúc hoa". Tùy theo nơi mọc, phương pháp thu hái và gia công khác nhau, Cam cúc thương phẩm thường được phân thành 4 loại chủ yếu như sau:

- *Bạch cúc:* Sản xuất tại huyện Hào, tỉnh An Huy, nên còn gọi là "Hào cúc". được xem là loại tốt nhất, cánh hoa màu trắng, nhụy hoa vàng. Một số loại khác, như "Hoài cúc" (Hà Nam), "Kỳ cúc" (Hà Bắc), "Xuyên cúc" (Tứ xuyên), cũng thuộc loại "Bạch cúc", nhưng chất lượng không bằng "Hào cúc".
- *Trừ cúc.* Mọc ở huyện Trừ (An Huy), cánh hoa màu trắng, cũng được xếp loại dược liệu tốt.
- *Cống cúc.* Chất lượng ngang hàng với Trừ cúc.
- *Hàng cúc.* Có 2 loại, loại trắng gọi là "Hàng bạch cúc" hoặc "Bạch

trà cúc"; loại vàng là "Hàng hoàng cúc" hoặc "Hàng cam cúc", hình dạng tương tự "Hàng bạch cúc", nhưng cánh hoa lại có màu sắc từ vàng đến nâu.

Theo Đông y, Cam cúc có vị cay, ngọt, đắng; khí hơi lạnh, vào 2 kinh Can và Phế. Có tác dụng sơ tán phong nhiệt, bình ức can dương, thanh can minh mục, thanh nhiệt giải độc. Chủ trị ngoại cảm phong nhiệt, phát sốt, đau đầu, choáng váng, mắt đỏ, mụn nhọt lở loét. Các nghiên cứu dược lý cho thấy, Cam cúc có một số tác dụng chủ yếu sau: Giãn rộng động mạch vành rõ ràng; tăng lưu lượng máu qua mạch vành, tăng cường độ co bóp và hiệu suất sử dụng ô-xy của cơ tim; Hạ huyết áp, tăng độ thẩm thấu và tăng độ bền của mao mạch; Kiềm chế sự hình thành huyết khối; Có tác dụng ức chế đối với nhiều loại vi khuẩn gây bệnh như tụ cầu trùng vàng, liên cầu trùng tan máu bê-ta, lỵ trực trùng Sonnel, trực trùng thương hàn,... Ngoài ra, còn có tác dụng ức chế nhất định đối với các loại nấm gây bệnh ngoài da.

Một số phương thuốc chủ yếu có dùng Cúc trắng (cam cúc)

- *Tang cúc ẩm.* Tang diệp 9g, Cúc hoa 12g, Liên kiều 9g, Bạc hà 9g, Cát cánh 9g, Hạnh nhân 9g, Cam thảo 3g, Rễ lau 15g; Sắc nước uống. Tác dụng: Đông y truyền thống thường sử dụng chữa trị phong ôn mới phát, với các triệu chứng ho, sốt nhẹ, miệng hơi khát, rêu lưỡi trắng, mạch phù sác. Do nghiên cứu hiện đại phát hiện tác dụng giải nhiệt, kháng viêm, tăng cường miễn dịch và ức chế nhất định đối với virut cúm (nồng độ hữu hiệu tương đối cao), nên hiện tại trên lâm sàng thường được sử dụng để chữa các chứng viêm trong các bệnh nhiễm trùng và cảm, cúm mới phát sinh.

- *Trà ngân cúc.* Cúc hoa, Kim ngân hoa, mỗi thứ 25- 30g. Tất cả trộn đều, chia làm 4 phần pha trà uống trong ngày. Mỗi lần hãm nước sôi 10-15 phút, hãm 2 nước thì bỏ bã, thay trà mới. Tác dụng: Điều hòa huyết áp, chữa cao huyết áp. Nếu xơ vữa động mạch thêm Sơn tra 12g. Choáng váng nhiều thì thêm Tang diệp 12g. Thử nghiệm lâm sàng với 46 trường hợp, kết quả cho thấy: Sau 3-7 ngày triệu chứng đau đầu, choáng váng, mất ngủ bắt đầu giảm dần, 35 trường hợp huyết áp đã hạ xuống mức bình thường; số còn lại sau 10-30 ngày các chứng trạng tự giác cũng chuyển biến tốt.

- *Thần tiên diên niên trừ phong tán.* Cam cúc hoa, Phục linh, Bạch truật, Thiên môn đông, mỗi thứ 30g, Thiên hùng 5g. Tất cả tán mịn, uống lúc đói bụng, mỗi lần uống 3g, chiêu bằng rượu ấm, ngày uống 2 lần. Tác dụng: Kéo dài tuổi thọ, kiềm chế lão suy, bổ ích khí huyết, tươi nhuận nhan sắc.

- *Cao hoa cúc (cúc hoa cao).* Là loại cao do các ngự y thời xưa chế ra, để giữ gìn vẻ đẹp nơi cung đình. Tuy là một thứ cao thuốc "quý phái", song cách chế tương đối đơn giản: Chỉ cần hái hoa cúc (tươi) về sắc kỹ với nước, lọc lấy nước cốt, cô đặc lại, cho mật ong vào nấu thành cao lỏng, để có thể bảo quản và dùng lâu ngày. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có tác dụng: Giảm nhịp tim và tăng lực co bóp của tim, gia tăng lưu lượng máu trong hệ tuần hoàn, nhờ vậy các cơ quan nội tạng hoạt động tốt hơn, da thịt được nuôi dưỡng tốt hơn, trở nên mịn màng .

♣ Cúc vàng (Dã cúc)

Là hoa của cây "Dã cúc", có tên khoa học là *Chrysanthemum indicum* L. Vị thuốc còn có những tên khác, như "Dã cúc hoa", "Khổ ý", "Dã sơn cúc", "Lộ biên cúc", "Hoàng cúc tử", "Dã hoàng cúc", "Qủy tử cúc", "Kim cúc", "Cúc riềng vàng",... Cúc vàng là loài cây thảo, sống một năm hay sống dai. Thân cứng, mọc thẳng đứng, cao chừng 90cm, phân nhiều nhánh. Lá mọc so le, phiến lá hình 3 cạnh tròn, xẻ thùy sâu, mép có

nhiều răng, không cuống. Cụm hoa hình đầu, mọc ở nách lá hay đầu cành, hoa nhỏ hơn loài Cúc trắng (Cam cúc), đường kính chỉ khoảng từ 1-1,5cm (Cúc trắng từ 2,5-5cm), cuống dài 2-5cm. Cánh hoa ở rìa ngoài có dạng lưỡi, màu vàng nhạt, hợp thành 1-2 tầng. Cánh hoa ở trung tâm dạng ống, màu vàng đậm, lưỡng tính. Theo Đông y, Dã cúc hoa có vị đắng, cay; khí hơi lạnh, vào 2 kinh Can và Tâm. Có tác dụng thanh nhiệt giải độc; Chủ trị các loại đinh nhọt, thấp chẩn (eczema), thấp sang (lở loét), phong chẩn (mề đay), hầu họng sưng đau, đau đầu chóng mặt,... Liều dùng: Sắc nước uống từ 6-12g khô (30-60g tươi). Dùng ngoài giã đắp hoặc nấu nước rửa.

Các nghiên cứu dược lý phát hiện, *Dã cúc có một số tác dụng*:

- *Kháng virut.* Thực nghiệm chứng minh, nước sắc Dã cúc hoa có tác dụng ức chế nhất định đối với virut cúm. Còn có tác dụng làm chậm quá trình gây bệnh biến của các virut echovirus và herpes virut (HHV) đối với tế bào thận.

- *Đối với các vi khuẩn gây bệnh khác.* Nước sắc Dã cúc hoa có tác dụng ức chế đối với tụ cầu khuẩn vàng (*Staphylococcus aureus*), trực khuẩn ruột kết (*Colibacillus*), trực khuẩn lị (*Bacillus dysenteriae*), trực khuẩn mủ xanh (*Bacillus pyocyaneus*), cũng như trực khuẩn bạch hầu, trong đó tác dụng đối với tụ cầu khuẩn vàng là mạnh nhất. Đối với các vi khuẩn gây bệnh, Dã cúc (Cúc vàng) có phổ tác dụng rộng hơn và cường độ mạnh hơn Cam cúc (Cúc trắng).

- *Tác dụng giải nhiệt.* Nghiên cứu thực nghiệm chứng minh, thuốc tiêm dịch chiết từ Dã cúc hoa có tác dụng giải nhiệt tương đối tốt đối với thỏ thí nghiệm.

- *Đối với hệ miễn dịch.* Tiêm tĩnh mạch thuốc nước chế từ Dã cúc hoa cho chuột nhắt, thấy có tác dụng tăng cường chức năng của đại thực bào.

- *Tác dụng khác.* Có tác dụng gia tăng lưu lượng máu trong động mạch vành, cải thiện tình trạng thiếu máu của cơ tim, hạ huyết áp rõ ràng, ức chế sự ngưng tập của tiểu cầu.

Một số bài thuốc có sử dụng Cúc vàng (Dã cúc)

- *Chữa cúm.* Dùng Dã cúc hoa, Ngư tinh thảo (rau diếp cá), mỗi thứ 20g, sắc nước uống. Kết quả thử nghiệm lâm sàng cho thấy tỷ lệ khỏi bệnh đạt gần 80%.

- *Dự phòng cảm cúm*: Dùng Dã cúc hoa 15g, Bạc hà 5g (cho vào sau). Trong thời gian xuất hiện dịch cúm, mỗi tuần sắc nước uống 1-2 lần. Kết quả quan sát cho thấy, có tác dụng phòng ngừa khá tốt.

- *Dự phòng dịch viêm não.* Dùng Dã cúc hoa lượng thích hợp, thêm nước, sắc chắt lấy nước, cô lại thành dung dịch 70%. Trong thời kỳ có dịch, dùng dịch thuốc nhỏ mũi ngày 2 lần, mỗi lần 2-3 giọt.

- *Ho khan không có đờm.* Dùng Dã cúc hoa 30g, Bạch mao căn 30g, đường trắng 30g; Ngày sắc uống 2 lần, sáng sớm và chiều tối.

- *Viêm amiđan cấp tính.* Dùng Dã cúc hoa 20g, Bồ công anh 20g, sắc lấy nước; chờ nguội chắt lấy nước thuốc ngậm và uống dần. Thử nghiệm điều trị 150 ca, khỏi hoàn toàn 100, chuyển biến tốt 30, vô hiệu 20.

- *Chữa quai bị.* Dùng Dã cúc hoa 15g, sắc nước uống thay trà trong ngày; liên tục trong một tuần; Trị liệu 56 ca, kết quả: Khỏi hẳn 49, chuyển biến tốt 5, vô hiệu 2.

- *Viêm tuyến vú cấp tính.* Dùng Dã cúc hoa (tươi), Bồ công anh (tươi), Tử hoa địa đinh (tươi), mỗi thứ 50g. Giã nát, đắp vào chỗ sưng đỏ, kết quả khá tốt, hiệu suất khỏi bệnh đạt 65%.

- *Chữa cao huyết áp.* Dùng Dã cúc hoa, sắc lấy nước cốt đặc, thêm lượng đường thích hợp chế thành xi-rô thuốc 40% (mỗi 10ml xi-rô thuốc chứa 4g dược liệu). Ngày uống 3 lần, mỗi lần 10ml. Thử nghiệm điều trị 350 ca, bao gồm cao huyết áp các kỳ I, II, III; hiệu quả đạt 68,57%; Các chứng trạng như mất ngủ, đầu đau, chóng mặt đều được cải thiện.

- *Viêm đường tiết niệu.* Dùng Dã cúc hoa sắc, Hải kim sa, mỗi thứ 30g, sắc nước uống mỗi ngày 1 thang.

- *Viêm kết mạc cấp tính.* Dùng Dã cúc hoa 20g, Tang diệp (lá dâu tằm) 15g, sắc nước uống hoặc dùng nước sắc xông hai mắt. Thử nghiệm cho kết quả 87%.

- *Chữa loét giác mạc.* Dùng Dã cúc hoa 15g, Tang diệp 30g, Kim ngân hoa 15g. Khi bệnh mới phát thêm Bồ công anh 10g, Tử thảo 8g, Cam thảo 6g. Nếu sưng thũng nhiều, đau đầu, tiểu tiện đỏ, thêm Sinh địa, Chi tử, Hoàng cầm, Mộc tặc, Sài hồ, Thiền thoái, Xa tiền tử, Cam thảo (liều lượng các vị thuốc tùy thuộc thể trạng bệnh nhân). Nếu đại tiện bí kết, thêm Đại hoàng 8g. Mỗi ngày sắc uống 1 thang. Thử nghiệm với 38 ca cho kết quả: Khỏi 19, chuyển biến tốt 17, vô hiệu 2.

- *Chữa mụn nhọt, đinh độc*: Dùng Dã cúc 10-15g, có thể phối hợp thêm với Bồ công anh 10g, Thổ phục linh 10g, sắc nước uống, đồng thời dùng lá tươi, giã với chút muối đắp.

- *Chữa đơn độc, nhiệt độc sưng tấy.* Dùng Dã cúc hoa giã nát sắc với rượu, cho uống lúc nóng và lấy bã đắp vào chỗ sưng ❑